

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
Số: 02/2018/QĐ-KTNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-KTNN ngày 23/12/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quyết định quy định về Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2013/QĐ-KTNN ngày 03/4/2013 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2018/QĐ-KTNN ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các bước công việc của cuộc kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN, gồm:

- Chuẩn bị kiểm toán;
- Thực hiện kiểm toán;
- Lập và gửi báo cáo kiểm toán;
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này được áp dụng đối với cuộc kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN hàng năm của Kiểm toán nhà nước(KTNN) và được áp dụng đối với Đoàn kiểm toán của KTNN, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN.

Điều 3. Yêu cầu đối với Đoàn kiểm toán và thành viên của Đoàn kiểm toán

Khi thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN, Đoàn kiểm toán, thành viên của Đoàn kiểm toán phải tuân thủ các yêu cầu được quy định tại Điều 4 Quy trình kiểm toán của KTNN ban hành kèm theo Quyết định số 08/2016/QĐ-KTNN ngày 23/12/2016 của Tổng KTNN (Quy trình kiểm toán của KTNN) và các quy định tại Quy trình này.

Điều 4. Kiểm soát chất lượng kiểm toán

Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy trình kiểm toán của KTNN.

Điều 5. Tài liệu, hồ sơ kiểm toán

Việc lập và lưu trữ tài liệu, hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy trình kiểm toán của KTNN.

CHƯƠNG II

CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Điều 6. Khảo sát, thu thập thông tin

Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy trình kiểm toán của KTNN, cụ thể:

1. Thu thập thông tin về tình hình kinh tế, xã hội và tổng quát về NSNN năm được kiểm toán

- Thông tin khái quát về những yếu tố có tác động đến kinh tế trong nước (tăng trưởng, lạm phát, khủng hoảng, dịch bệnh...);

- Tình hình triển khai, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về chính sách tài khóa, tiền tệ và các giải pháp để quản lý, điều hành NSNN, phát triển kinh tế - xã hội...;

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm được kiểm toán và các năm trước; tỷ lệ huy động thuế, phí vào NSNN trên GDP; cán cân thương mại, cán cân thanh toán; tổng kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của một số ngành chủ yếu; số liệu về nợ công, nợ nước ngoài của Quốc gia và mức độ an toàn tài chính...;

- Thông tin tổng quát về NSNN năm được kiểm toán: Tổng thu, tổng chi NSNN, bội chi, bội thu, kết dư NSNN, tỷ lệ thực hiện so với dự toán theo nghị quyết của Quốc hội;

- Thông tin tổng quát về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm quốc gia; kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm quốc gia liên quan đến năm được kiểm toán.

2. Thu thập thông tin về tình hình NSNN

a) Cân đối NSNN

Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán của năm được kiểm toán (chưa phải số quyết toán) đối với các chỉ tiêu cân đối NSNN; gồm: (i) Tổng nguồn thu NSNN; (ii) Tổng chi NSNN; (iii) Bội chi/bội thu, kết dư NSNN; (iv) Chi trả nợ gốc; (v) Tổng mức vay của NSNN.

b) Kết quả thực hiện thu NSNN, tình hình quản lý thu NSNN

- Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán của năm được kiểm toán (số ước thực hiện căn cứ theo báo cáo mới nhất của Chính phủ tại thời điểm khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán) đối với các chỉ tiêu thu NSNN theo lĩnh vực, theo sắc thuế.

- Thông tin về tình hình quản lý thu NSNN như: Nợ thuế do ngành Thuế quản lý, nợ thuế do ngành Hải quan quản lý, hoàn thuế GTGT, công tác quản lý miễn, giảm thuế và các thông tin khác cần lưu ý trong quản lý thu NSNN.

c) Kết quả thực hiện chi NSNN, chi ngân sách trung ương (NSTW); tình hình quản lý chi NSNN

- Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán của năm được kiểm toán (chưa phải số quyết toán) đối với các chỉ tiêu chi NSNN, chi NSTW và chi ngân sách địa phương (NSDP) theo cơ cấu chi; chi NSTW theo lĩnh vực.

- Thông tin về tình hình quản lý, điều hành, chấp hành chi NSNN như: Phân bổ và giao dự toán; điều chỉnh dự toán; tạm ứng, ứng trước và thu hồi tạm ứng, ứng trước dự toán; xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách; xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN; sử dụng dự phòng ngân sách; xử lý chuyển nguồn ngân sách; ...

d) Các thông tin khác cần thu thập

- Thông tin về tình hình quản lý nợ công (dư nợ và tỷ lệ % so với GDP theo dự toán và kết quả thực hiện) đối với các chỉ tiêu (i) Nợ công (nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh, nợ chính quyền địa phương); (ii) Nợ nước ngoài của quốc gia; (iii) Nghĩa vụ/chi trả nợ trực tiếp của Chính phủ (trả nợ gốc, trả nợ lãi);

- Thông tin về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Trung ương quản lý và các thông tin khác.

3. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin liên quan khác

a) Thông tin liên quan đến môi trường kiểm soát

- Cơ chế phân cấp quản lý tại các đơn vị được kiểm toán;

- Các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, chính sách, chế độ của Chính phủ điều chỉnh hoạt động quản lý, điều hành thu, chi ngân sách năm được kiểm toán.

b) Thông tin liên quan đến công tác kế toán

- Hệ thống chế độ kế toán áp dụng;
- Tổ chức bộ máy kế toán và tình hình chấp hành chế độ kế toán;
- Quy trình các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu và các sự kiện từ khi phát sinh đến khi lập Báo cáo quyết toán NSNN;
- Các hoạt động, các giao dịch... có ảnh hưởng quan trọng đến Báo cáo quyết toán NSNN.

c) Thông tin liên quan đến các thủ tục kiểm soát

- Thu thập thông tin về các thủ tục kiểm soát chủ yếu liên quan đến lập, chấp hành, quyết toán thu, chi NSNN của đơn vị;
- Các quy định về tổ chức hoạt động và các quy chế, quy định về kiểm tra, giám sát của đơn vị trong công tác lập Báo cáo quyết toán NSNN.

d) Các thông tin khác cần thu thập

- Những sai sót được phát hiện, các ghi nhớ từ các cuộc kiểm toán trước; các kết quả, kiến nghị kiểm toán liên quan năm được kiểm toán;
- Những vấn đề thanh tra, kiểm tra đã có kết luận liên quan đến hoạt động trong thời kỳ được kiểm toán; ...
- Những thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm...

4. Phương pháp thu thập thông tin

- Gửi văn bản yêu cầu cung cấp;
- Phỏng vấn trực tiếp;
- Sử dụng các tài liệu có liên quan của các cuộc kiểm toán trước;
- Các phương pháp khác theo quy định tại Điều 7 Quy trình kiểm toán của KTNN.